

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG LÝ LUẬN VĂN NGHỆ CỦA NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Công Lý

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

TÓM TẮT

Nguyễn Trãi không chỉ là nhà quân sự - chính trị - ngoại giao thiên tài, nhà văn nhà thơ lỗi lạc mà còn là nhà tư tưởng lý luận văn nghệ với những quan niệm tiến bộ và đúng hướng. Khác với một vài thi hào thời trung đại, họ thường thể hiện tư tưởng và quan niệm về văn học nghệ thuật qua các bài Tự, Bạt, hay những đoạn thăm bình thì Ước Trai tiên sinh lại thể hiện qua thơ. Bài viết này, thông qua những sáng tác trong Ước Trai thi tập và Quốc âm thi tập để khái quát và chỉ ra có hệ thống những quan niệm, tư tưởng lý luận văn học nghệ thuật của Nguyễn Trãi

Từ khoá: tư tưởng, lý luận, văn nghệ, Nho giáo, Nguyễn Trãi

1. Giới thiệu

Nguyễn Trãi (1380-1442) không chỉ là nhà văn nhà thơ lỗi lạc cắm mốc khai sáng nền văn học cổ điển Việt Nam, nhà văn hoá lớn, nhà quân sự và nhà ngoại giao kiệt xuất với những chiến lược chiến thuật nhất quán, mà còn là một nhà lý luận văn nghệ tiên phong. Cho dù ở lĩnh vực lý luận văn nghệ, Ước Trai không nêu tuyên ngôn hay phát biểu trực tiếp, nhưng qua những trước tác hiện còn, người đọc có thể chất lọc được những tư tưởng lý luận văn nghệ cùng một số quan niệm mang tinh thần Nho giáo Việt Nam của tiên sinh.

Sau vụ án Lê Chi viên oan nghiệt (mùa thu 1442), Nguyễn Trãi và gia tộc bị triều đình kết án tru di, nhưng sau đó không lâu, các triều đại phong kiến đều lần lượt minh oan cho ông. Chẳng hạn, vua Lê Nhân Tông (1442-1459), có lần đến Bí thư các và đọc được bản thảo *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi, nhà vua đã phát biểu rằng: “*Nguyễn Trãi là người trung thành, lấy võ giúp đức*

Thái Tổ dẹp yên loạn lạc, lấy văn giúp đức Thái Tông xây nền trị bình, văn chương đức nghiệp của ông, các danh tướng bản triều không ai sánh kịp. Không may vì kẻ phụ nhân gây biến để người lương thiện mắc oan, thật rất đáng thương! Nói xong, nhà vua đem quyển sách để ở đầu giường làm gốc cho việc chính trị”. Lời văn trên là do Lý Tử Tấn - bạn đồng khoa, đồng liêu với Nguyễn Trãi đã chép lại lời dụ của vua Lê Nhân Tông khi ông được lệnh biên tập lại *Dur địa chí* ⁽¹⁾. Tiếp theo, vua Lê Thánh Tông (1460-1497) năm 1464 ban chiếu minh oan và cho tìm con cháu Nguyễn Trãi để bổ dụng chức quan, truy tặng tước Tán Trù bá và cấp 100 mẫu ruộng để tế tự. Năm Đinh Hợi 1467, nhà vua sai Trần Khắc Kiệm sưu tầm thơ văn của Nguyễn Trãi. Năm 1494, trong bài *Minh lương* (tập *Quỳnh uyển cửu ca*), nhà vua có lời thơ ca ngợi “*Ước Trai tâm thượng quang khuê tảo*” (Tâm lòng Ước Trai sáng như văn chương của ông). Năm Nhâm Thân 1512, vua Lê

Tương Dực (1510-1516) truy tặng Nguyễn Trãi tước Tế Văn hầu. Năm Nhâm Ngọ (1822), vua Minh Mạng (1820-1841) triều Nguyễn truy phong cho ông tước Khê Quận công. Dịp này, nhà vua sai Dương Bá Cung là người cùng làng sưu tầm di văn của Úc Trai. Dương Bá Cung đã bỏ ra hơn 10 năm ròng mới hoàn thành bộ *Úc Trai di tập* gồm 07 quyển. Dương Bá Cung cùng Nguyễn Thâm (người cháu trực hệ) soạn lại gia phả Nguyễn Nhị Khê, viết lời Tựa. Năm Mậu Thìn 1868, triều Tự Đức, bản *Úc Trai di tập* được khắc in bởi Phúc Khê đường tàng bản. Đây là di sản thơ văn Nguyễn Trãi hiện còn đến hôm nay. Riêng tác phẩm *Quân trung từ mệnh* sau này đã được Trần Văn Giáp và Đào Duy Anh tìm thêm một số bức thư và văn kiện, bổ sung rồi sắp xếp lại văn bản do Dương Bá Cung đã sưu tầm. Năm Nhâm Dần 1962, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tổ chức kỷ niệm lần thứ 520 năm ngày mất của Nguyễn Trãi. Năm Canh Thân 1980, Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Uỷ ban Văn hoá - Giáo dục - Khoa học (UNESCO) của Liên Hiệp Quốc tổ chức kỷ niệm 600 năm ngày sinh, tôn vinh Nguyễn Trãi là Danh nhân văn hoá thế giới.

Về trước tác, qua nhiều lần sưu tầm qua các thời đại, được biết Nguyễn Trãi đã để lại những tác phẩm sau: *Quân trung từ mệnh tập* (1423-1427), *Băng Hồ di sự lục* (1428), *Bình Ngô đại cáo* (đầu 1428), *Lam Sơn thực lục* (1431, hiệu đính), *Chí Linh sơn phú*, *Vĩnh Lăng thần đạo bi ký* (1433), *Dư địa chí* (1435), *Úc Trai thi tập*⁽²⁾, *Quốc âm thi tập*, *Văn loại* gồm các bài Chiếu, Cáo, Biểu, v.v.. như *Bình Ngô đại cáo* (1428), *Tạ ân biểu* (1440), *Thạch khánh đồ* (1437, hiện thất lạc), *Luật thư* (1441-1442, hiện thất lạc), *Giao tự đại lễ* (hiện thất lạc).

2. Một số quan niệm - tư tưởng lý luận văn nghệ của Nguyễn Trãi

Trước khi tìm hiểu tinh thần Nho giáo Việt Nam trong tư tưởng lý luận văn nghệ của tiên sinh, thiết nghĩ cũng cần nên tìm hiểu cội nguồn những cơ sở hình thành quan niệm và tư tưởng lý luận văn chương của Nguyễn Trãi. Qua gia phả và qua cuộc đời, có thể thấy:

Nguyễn Trãi chịu ảnh hưởng từ dòng họ với truyền thống cương trực, khảng khái, khí tiết cứng cỏi, đấu tranh chống lại cường quyền, bạo lực, chống cái xấu, cái ác làm hại nước hại dân. Bên cạnh, nhà thơ còn chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng, văn hoá và học thuật cùng nhân cách của ông ngoại, của cha mẹ. Nguyễn Trãi đã từng sống đời sống thanh bần, giản dị ở Côn Sơn, ở Nhị Khê từ thuở thiếu thời, cũng như mười năm tìm đường cứu nước và mấy năm cáo quan về Côn Sơn, sống gần gũi với nhân dân nên tiên sinh đã thấu hiểu dân tình, đồng cảm những cảnh ngộ cùng khổ của nhân dân.

Dù bản thân là nhà Nho, nhưng Nguyễn Trãi đã tiếp thu nhiều nguồn văn hoá tư tưởng: trong kinh sách Tam giáo Nho, Phật, Đạo; từ truyền thống văn hoá tư tưởng nhân dân; từ tinh hoa văn hoá thời đại Lý - Trần; từ thực tế cuộc sống bản thân, từ hiện thực thời đại lịch sử rồi dung hoà, nâng cao thành hệ tư tưởng của thời đại phục hưng dân tộc sau chiến thắng giặc Minh xâm lược. Tư tưởng của Nguyễn Trãi cũng chính là tư tưởng chung, tiêu biểu cho tư tưởng Đại Việt ở thế kỷ XV. Vì thế, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, tuy khái niệm này là của Nho gia nhưng quan niệm của ông có khác với Khổng Mạnh, và khác xa với Tống Nho, bởi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi mang nội dung thân

dân, vì dân. Yêu nước chính là yêu dân, khát vọng xây dựng đất nước hoà bình thịnh trị, nhân dân ấm no hạnh phúc với chủ trương “yên dân, trừ bạo”.

*

Bàn về quan niệm văn chương Nguyễn Trãi, ở nước ta, người đầu tiên đặt vấn đề này để tìm hiểu tương đối có hệ thống là GS. Đinh Gia Khánh với tiểu luận “*Quan điểm văn nghệ của Nguyễn Trãi*” in trong công trình “*Kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi*” (NXB Khoa học Xã hội, 1982, tr. 204-214). Trong bài viết này, mặc dù tác giả không ghi thành đề mục cụ thể, song có thể nêu lên 5 điểm như sau: 1. Mối quan hệ giữa nhà văn và người chiến sĩ; 2. Dùng văn chương làm vũ khí chiến đấu vì nước vì dân; 3. Mối quan hệ giữa gốc và vắn; 4. Nhà thơ tìm đề tài và cảm hứng từ cuộc sống; 5. Tác dụng của văn nghệ. Trước đó, trong giáo trình *Văn học Việt Nam thế kỷ X – nửa đầu thế kỷ XVIII*, tập 2 (1979), tại chương viết về tác gia Nguyễn Trãi, giáo sư cũng đã có trình bày sơ lược về quan điểm văn nghệ của Nguyễn Trãi, và dĩ nhiên là chưa có hệ thống và đầy đủ như trong bài viết vừa nêu.

Tiếp theo, trong hai chuyên khảo: *Về quan niệm văn học cổ Việt Nam* (1982) và *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam* (1997), GS. Phương Lựu ít nhiều có nhắc đến quan điểm văn nghệ của Nguyễn Trãi. Cũng vậy, trong luận án Tiến sĩ của Lê Giang: *Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam* (2001) và của Nguyễn Thanh Tùng: *Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX* (2010) đều có nhắc đến quan niệm văn học của Nguyễn Trãi trong quan niệm chung về lý luận văn nghệ thời Hậu Lê sơ. Gần đây, trong công trình *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam* (2013) của

Phòng Lý luận văn học – Viện Văn học Việt Nam do PGS.TS. Trịnh Bá Đình chủ biên, có một mục viết về quan điểm lý luận văn nghệ của Nguyễn Trãi, mục này do PGS.TS. Đinh Thị Minh Hằng thực hiện, nhưng xem ra ý tưởng và luận điểm lại không có gì mới nếu so với tiểu luận của GS. Đinh Gia Khánh viết từ năm 1980.

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu đã có cùng đọc sâu văn chương Nguyễn Trãi, nhất là thơ, ở đây xin được trình bày có hệ thống về tư tưởng lý luận văn nghệ của Úc Trai tiên sinh.

2.1. Qua văn chương, Nguyễn Trãi đã nêu lên mối liên hệ mật thiết giữa văn nghệ và cuộc sống, sự gắn bó giữa nhà văn và người chiến sĩ

Thông thường các vị Tiên Nho hay phát biểu quan niệm của mình về văn chương qua các bài Tự, bài Bạt. Riêng Úc Trai tiên sinh đã phát biểu vấn đề này qua nhiều bài thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Ở đó, tiên sinh đã nêu lên mối liên hệ mật thiết giữa văn nghệ và cuộc sống, sự gắn bó giữa nhà văn và người chiến sĩ.

Trong bài thơ Nôm “*Tự thán số 2*”, Nguyễn Trãi viết:

*Non hoang tranh vẽ, chập hai ngàn,
Nước mấy dòng thanh, ngọc mấy hoàn
(hòn).*

*Niềm cũ sinh linh đeo ắt nặng,
Cật chùng hồ hải đặt chưa an.
Những vì thánh chúa âu đời trị,
Há kẻ thân nhân tiếc tuổi tàn.
Thừa chỉ ai rằng thi (thời) khó ngắt,
Túi thơ chứa chất mọi giang san.*

Nhà thơ đã tự hào vì túi thơ chứa chất cảnh đẹp của núi sông Tổ quốc, hồn thơ trĩu nặng tình đời. Từ đó, có thể nói ở Nguyễn Trãi, con người hành động (nhà yêu nước thương dân) và con người sáng

tác (người nghệ sĩ chân chính) luôn gắn bó với nhau, hỗ trợ cho nhau. Úc Trai là mẫu người điển hình về sự gắn bó giữa nhà văn và người chiến sĩ đấu tranh vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì con người. Đây là minh chứng hùng hồn về mối liên hệ mật thiết giữa văn nghệ và cuộc sống. Nhà thơ suốt đời chưa được ngả lưng an cất, luôn đeo nặng nỗi ưu tư vì nhân dân; suốt đời ôm ấp khát vọng lớn, lý tưởng cao cả là làm sao cho đất nước thái bình thịnh trị, với nỗi niềm “tiên ưu hậu lạc”.

2.2. Qua văn chương, Nguyễn Trãi còn nêu lên trách nhiệm của người cầm bút và thể hiện niềm tự hào lớn về trách nhiệm này

Bài thơ *Bảo kính cảnh giới* số 5, thi hào viết:

*Văn chương chép lấy đời câu thánh,
Sự nghiệp tua gìn phải đạo trung.
Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,
Có nhân, có trí, có anh hùng.*

Lời thơ có tính chất như một tuyên ngôn văn học, Nguyễn Trãi đã gắn văn chương với sự nghiệp, gắn nhiệm vụ làm văn với bổn phận làm người. Văn chương gắn liền với hành động “*Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược*”; văn chương gắn liền với phẩm chất “*Có nhân, có trí, có anh hùng*”. Ở nước ta, muốn làm được như thế, muốn bảo vệ cuộc sống và khẳng định giá trị con người thì trước hết phải bảo vệ Tổ quốc, khẳng định dân tộc. Thơ văn Nguyễn Trãi đã thể nghiệm sâu sắc nhất điều này.

2.3. Nguyễn Trãi quan niệm văn chương phải là vũ khí chiến đấu chống ngoại xâm, diệt bạo tàn, vì độc lập của nước, vì hạnh phúc của dân

Bài thơ *Nôm Bảo kính cảnh giới* số 56, nhà thơ viết:

Đao bút phải dùng tài đã vẹn,

Chỉ thư nấy chép việc càng chuyên.

Vệ Nam mãi mãi ra tay thước,

Điện Bắc đà đà yên phận tiên.

Ngày xưa, khi chưa chế tạo ra giấy và bút lông, người xưa dùng dao khắc chữ vào tre, trúc, gỗ. Thời Nguyễn Trãi đã có giấy bút nhưng ông vẫn dùng “đao bút” (dùng dao làm bút). Cũng có thể hiểu ngòi bút là một thứ vũ khí chiến đấu đặc lực và có hiệu quả nhất. Thực tế là trong những năm tháng chiến đấu chống giặc Minh xâm lược, Nguyễn Trãi đã dùng dao bút để viết các từ mệnh, các lệnh chỉ, mà người đời sau, khi sưu tập di sản thơ văn này đã gộp lại dưới nhan đề là *Quân trung từ mệnh tập*. Ở tập văn chương luận chiến này, Nguyễn Trãi đã dùng sức mạnh của văn chương chính nghĩa mà tập hợp lực lượng của ta để tấn công quân địch. Nhà thơ không ngừng “*ra tay thước*” tức trổ hết tài năng để chiến đấu, nhằm mục đích “*vệ Nam*” tức bảo vệ sông núi nước Nam. Muốn làm được điều ấy thì phải “*điện Bắc*” tức dẹp yên giặc Bắc, lúc này mới có thể xây dựng được cuộc sống ấm no, nhân dân an cư lạc nghiệp, sống đời thái bình, chẳng khác nào cuộc sống cảnh tiên an nhàn “*đà đà yên phận tiên*”. Rõ ràng, theo Nguyễn Trãi, ngòi bút phải là một thứ vũ khí chiến đấu vì Tổ quốc, vì dân tộc, vì nhân dân.

Quan niệm này, trước Nguyễn Trãi người đọc có thể bắt gặp ở Lý Thường Kiệt khi vị tướng tài ba này đã có ý thức dùng bài thơ của Thán để khích lệ lòng yêu nước, tinh thần quyết chiến đấu của quân đội Đại Việt trong cuộc chiến tranh vệ quốc trong chiến dịch năm 1075-1077. Hay như việc Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn với bài *Dụ chư tỳ tướng hịch văn* cũng vậy. Ngay cả trong bài *Tựa của một quyển sách mang nội dung tư tưởng triết học Phật - Thiền*:

Khoá hư lục mà Trần Thái Tông đã viết: “Văn bút táo thiên quân chi trận; Vũ lược mưu bách kế chi công” (văn bút như trận chiến quét sạch ngàn quân; Mưu lược như trăm kế đánh vào thành giặc) để nêu lên một quan niệm văn chương cực kỳ hiện đại. Đánh rằng chuyện làm thơ đuổi giặc (thoái lỗ thi) ở Trung Quốc cũng đã có từ trước như thơ của Lý Bạch chẳng hạn, nhưng ở Việt Nam ta đã tiếp thu và có biến đổi cho phù hợp với thực tiễn đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

2.4. Qua văn chương, Nguyễn Trãi thể hiện tư tưởng thân dân, yêu thương nhân dân, có ý thức chăm lo quyền lợi và hạnh phúc của dân

Thơ văn Nguyễn Trãi còn thể hiện tư tưởng thân dân, nỗi niềm yêu thương nhân dân, có ý thức chăm lo quyền lợi và hạnh phúc của dân. Dân theo quan niệm của thi hào là “manh lệ”, “xích tử”, “lê dân”, “thương sinh”, “sinh linh”. Đây là cái nhìn mới mẻ, thể hiện một quan niệm rất tiến bộ về nhân dân mà trước đó chưa một tác giả nào đề cập đến và nói nhiều như Nguyễn Trãi đã nói trong thơ văn của ông⁽³⁾, ví dụ như trong *Bình Ngô đại cáo*:

- Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân;
Điếu phạt chi sư, mạc tiên khử bạo.

- Hân thương sinh u ngược diệm; Hãm xích tử u hoạ khanh.

- Manh lệ chi đồ tứ tập v.v..

Tư tưởng thân dân, nỗi niềm yêu thương nhân dân, có ý thức chăm lo quyền lợi và hạnh phúc của dân trên cơ sở của tinh thần dân chủ và rộng mở còn thể hiện rõ trong quan điểm văn nghệ của Nguyễn Trãi. Văn nghệ phải gắn bó với hiện thực cuộc sống của quảng đại quần chúng nhân dân.

2.5. Trong văn chương Việt Nam, Nguyễn Trãi là người đầu tiên nêu lên mối quan hệ giữa gốc và văn, giữa nội dung và hình thức

Có lần vua Lê Thái Tông giao cho Nguyễn Trãi soạn lại lễ nhạc của triều đình, nhân lúc ông dâng biểu đề nghị về lại chiếc khánh đá - một biểu tượng văn hoá - trên cơ sở đó xây dựng một nền âm nhạc chân chính mang đậm bản sắc dân tộc, qua lời tâu: “Kể ra, thời loạn dùng võ, thời bình dùng văn. Ngày nay, đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Song không có gốc không thể đứng vững được, không có văn không thể lưu hành được. Hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng chiếu làm nhạc, không dám không hết lòng hết sức, nhưng vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật khó được hài hoà. Xin bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân, khiến cho các nơi làng mạc, thôn cùng xóm vắng không có một tiếng oán giận than sầu, đó là không mất cái cội gốc của nhạc vậy”⁽⁴⁾. Sau đó, như *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép “Nhà vua khen và chấp nhận, sai thợ đá ở huyện Giáp Sơn lấy đá tốt ở núi Kính Chủ để làm”⁽⁵⁾.

Bàn về âm nhạc mà Nguyễn Trãi nhắc vua thi hành chính sách khoan dân, thân dân, để qua đó thể hiện rõ quan điểm văn nghệ của ông. Đó là mối quan hệ giữa “gốc” và “văn”. Theo Nguyễn Trãi, “gốc” là nội dung tư tưởng cơ bản của văn nghệ, mà cái “gốc” này phải bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống sinh động và phong phú; “văn” là hình thức biểu hiện của văn nghệ. “Gốc” và “Văn”, nội dung và hình thức có mối quan hệ hữu cơ, ở đó nội dung quyết định hình thức. Xây dựng âm nhạc không phải chủ yếu và trước hết quan tâm đến “văn”, tức chú trọng hình thức, kỹ xảo, âm thanh mà phải quan tâm hàng đầu và chủ

yếu là cái “gốc”, tức nội dung. Nội dung ấy là “hoà bình” chỉ sự yên bình, hài hoà của tâm hồn, của cuộc sống. Như vậy, từ mối quan hệ giữa ‘gốc’ và ‘văn’, giữa “hòa bình” và “thanh âm”, Úc Trai đã nêu lên mối quan hệ chặt chẽ giữa *nội dung* và *hình thức* trong một tác phẩm văn nghệ, mà mối liên hệ này gắn bó chặt chẽ với hiện thực đời sống nhân dân. Vì thế, lời tâm huyết càng thể hiện sâu đậm tấm lòng ưu ái rừng rục “*Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông*” với dân với nước của Úc Trai tiên sinh.

2.6. Nguyễn Trãi chủ trương nhà văn cần tìm đề tài và cảm hứng từ hiện thực cuộc sống, tức nêu lên quan niệm văn học phải phản ánh hiện thực đời sống

Bài *Tự thán* số 3:

*Qua đồi cảnh chép câu đời cảnh;
Nhàn một ngày nên quyển một ngày.*

Điều đó có nghĩa là bất kỳ cảnh vật, đời sống nào cũng đều là đối tượng miêu tả, phản ánh của văn nghệ sĩ.

Nguyễn Trãi còn yêu cầu nhà văn cần trổ hết tài năng để xây dựng tác phẩm; cần năng động, có khí phách hào hùng, tâm hồn dạt dào cảm hứng, tức cần khả năng tinh nhạy khi nhận thức và phản ánh hiện thực cuộc sống qua bài *Tự thán* số 19:

*Tài tuy chẳng ngộ, trí chẳng cao,
Quyển đến trong tay chỉ mới hào.
Miệng khiến từ binh phá lũy khúc,
Mình làm thi tướng đứng Đàn Tao.
Cầm khua hết ngựa, cờ khua tượng,
Chim bắt trong rừng, cá bắt ao.
Còn có anh hùng bao nả nữa,
Đòi thi vậy, dễ hơn nào.*

Bài thơ có vẻ trào lộng, nhưng đã thể hiện quan niệm của Nguyễn Trãi về văn chương. Ở đây, Úc Trai ví người làm thơ chẳng khác nào người làm tướng, dù có ít tài trí nhưng nếu quyết chí làm được thì

như bậc anh hào. Người làm thơ chính là vị thi tướng mà chiến địa là Tao đàn, khi uống rượu vào thì sẽ phá tan cái lũy khúc của làng say. Người làm thơ cần trổ hết tài sức, cảm xúc để thể hiện như đánh đàn thì phải trổ hết ngón, chơi cờ thì phải đi hết nước. Đây là công việc quen thuộc, cũng như người đi săn bắt chim trong rừng, người câu cá bắt cá dưới ao, tức ý nói nhà thơ phải tóm thâu tất cả thế giới hiện thực vào trong túi thơ của mình. Nếu nhà thơ làm được như thế thì quý biết bao, còn có gì anh hùng hơn. Như vậy, theo Úc Trai, nhà văn chân chính cần có tính năng động, có cảm hứng dồi dào, tâm hồn giàu sức sống, khí phách hào hùng.

Người đọc có thể tìm thấy ý tưởng vừa nêu trong bài thơ chữ Hán “*Hỷ đề*” (Đề chơi): nước, núi, hoa, chim dưới con mắt người đời thì nhiều khi chỉ là bình thường, nhưng dưới cái nhìn của thi nhân thì đó là nguồn thi liệu vô cùng phong phú để thi nhân cảm hứng và tái hiện đề thơ, qua hai câu kết:

*Nhãn để nhất thi thi liệu phú,
Ngâm ông thủy dữ thế nhân da?*

(Trước mắt, trong một lúc, thi liệu đến dồi dào như thế,

Thì trong đời ai dễ sánh được với thi nhân?).

Bài *Trần tình* số 6, ông viết:

*Hàng chim ngủ khi thuyền đỗ,
Vàng nguyệt lên thuở nước cường.
Mua được thú màu trong thuở ấy,
Thế gian hay một khách văn chương.*

Thế gian này cần có những khách văn chương, tức nhà văn nhà thơ để có thể mua được, vẽ lại được những “thú màu”, những cảnh đẹp cho mọi người, cho độc giả.

Bài *Mạn thuật* số 13 có câu:

Khách đến, vườn còn hoa lác,

Thơ nên, cửa thấy nguyệt vào.

Thơ vừa làm xong, trăng đã bước vào nhà. Thơ gọi trăng vào nhà hay trăng đã gọi thi hứng cho thi nhân? Ngoại cảnh đã kích thích lời cuốn nhà thơ. Điều này trong vài bài thơ khác, Nguyễn Trãi cũng đã thể hiện ý vừa nêu, như hai câu đầu bài *Vọng Doanh*:

*Vọng Doanh đầu mộ hệ ngâm thuyền,
Thi cảnh liêu nhân, văn hứng thiên.*

(Chiều hôm đến Vọng Doanh buộc chiếc thuyền thơ,

Cảnh nên thơ ghẹo người, hứng buổi chiều lời cuốn.)

Hoặc trong bài *Hạ nhật mạn thành*, nhà thơ viết ở hai câu thực:

*Song tiền hoàng quyền công môi thuy,
Hộ ngoại thanh sơn cố sách ngâm.*

(Trước cửa sổ, quyền sách vàng khéo làm môi ngủ,

Ngoài cửa ngăn, núi xanh vẫn giục già ngâm thơ.)

2.7. Nguyễn Trãi đã nhấn mạnh và đề cao tác dụng của văn nghệ

Trong bài *Chu trung ngẫu thành*, bài 2 có câu: “*Ngư ca tam xứng, yên hồ khoát / Mục địch nhất thanh, thiên nguyệt cao*”. Một làn điệu dân ca, một khúc dân nhạc đã tác động đến thiên nhiên, hay thi nhân tưởng tượng, cảm giác như thế khi lắng

nghe câu hát của ông chài, tiếng sáo của người chăn trâu? Làn điệu dân ca toả ra trên mặt nước, lan dần ra vô biên mà tác giả cảm nhận như mặt hồ rộng thêm; Tiếng sáo vút lên trên bầu trời đêm trăng mà thi nhân ngỡ là trăng như cao thêm trên bầu trời lồng lộng.

Câu thơ sau: *Khách lạ đến ngàn, hoa chứa rưng; Câu thần ngâm dạ, nguyệt càng cao* (*Thuật hứng*, bài 7) cũng có ý tương tự như trên. Đây là một quan niệm rất chính xác và sâu sắc về tác dụng của văn nghệ, trong đó có thơ văn, mà qua thực tiễn cuộc sống, thực tế chiến đấu và thực tiễn sáng tác vô cùng đa dạng, phong phú của chính Nguyễn Trãi, nên nhà thơ đã nhận chân được ý nghĩa, tác dụng của văn nghệ đối với đời sống của dân tộc, của nhân dân, và đối với tâm hồn con người.

3. Lời kết

Tóm lại, qua những gì trình bày ở trên, có thể khẳng định Nguyễn Trãi không chỉ là nhà thơ nhà văn vĩ đại của văn học Việt Nam - người khai sáng nền thơ ca cổ điển Việt Nam mà còn là nhà lý luận văn nghệ kiệt xuất với một quan niệm văn học đúng đắn và tiên bộ mang bản sắc Việt Nam. Tư tưởng lý luận văn nghệ của Nguyễn Trãi đến nay vẫn còn nguyên giá trị, trong đó có một số quan niệm, tư tưởng rất gần gũi với tư tưởng lý luận văn học hiện đại.

STUDY ON IDEOLOGICAL LITERARY THEORY OF NGUYEN TRAI

Nguyen Cong Ly

ABSTRACT

Nguyen Trai is not only military - political - diplomatic genius, poet, eminent poet, but also the ideological and literary theorist with the notion of progress and on track. Unlike some medieval poets, they often expressed thoughts and conceptions of literature and art through Preface (Tu), Afterword (Bat), or the average piece evaluating, Uc Trai expressed through poetry. This article, through the works of Uc Trai on Uc Trai poetry collection and

Quoc am poetry collection to generalize and indicate systematic notions, ideological literary theories, and Confucianism in Vietnam of Nguyen Trai.

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, in trong bộ *Ức Trai di tập*, Quyển VI, tờ 33a.
- (2) Tập thơ chữ Hán của Ức Trai có 107 bài. Xin xem: Nguyễn Công Lý, *Thêm hai bài thơ chữ Hán của Ức Trai tiên sinh*, Tạp chí Hán Nôm, số 5-2011.
- (3) Theo thống kê của GS. Đinh Gia Khánh thì danh từ “dân” được Nguyễn Trãi dùng trong thơ văn đến 155 lần.
- (4) *Đại Việt sử ký toàn thư (bản kỷ thực lục)*, quyển XI, tờ 35 a, 35 b - Bản dịch của Viện Sử học, tập 3, NXB Khoa học Xã hội, 1972, trang 113; và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 17, tờ 3 a.
- (5) Sđd, bản dịch, trang 113.
- (6) Dưới triều nhà Hồ, Nguyễn Ứng Long đổi tên thành Nguyễn Phi Khanh và ra làm quan, được nhà Hồ bổ nhiệm chức Hàn lâm viện Học sĩ (chức quan đứng đầu Viện Hàn lâm đời Hồ) kiêm Tế tửu Quốc tử giám (chức học quan đứng đầu trường đại học ở kinh đô); Nguyễn Trãi được bổ chức Ngự sử đài chánh chưởng (chức quan phụ trách giữ ấn triện của Ngự sử đài, có thể tương đương với Chánh văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hiện nay).
- (7) Như trường hợp Bùi Dương Lịch chẳng hạn, ông làm quan ở ba triều đại: Lê trung hưng, Tây Sơn, Nguyễn. Vì thế người đương thời (triều Nguyễn) có thơ chế giễu: *Cảnh Hưng cử Tiến sĩ/ Tây nguy nhập Hàn lâm/ Bản triều vi Đốc học/ Dữ thế cộng phù trầm*. 景興舉進士,西偽入 翰林,本朝為督學,與世共浮沉. (Đời Cảnh Hưng được đỗ Tiến sĩ/ Triều Tây Sơn làm ở viện Hàn lâm/ Đến triều ta (triều Nguyễn) làm Đốc học/ (Ông ta) thật đúng là chìm nổi với cuộc đời). Dẫn dụ một trường hợp như thế để thấy sự linh hoạt và uyển chuyển của các nhà Nho Việt Nam trong việc tiếp nhận và vận dụng chữ “Trung”.

- Ngày nhận bài: 20/12/2015
- Chấp nhận đăng: 20/05/2016

Liên hệ: **Nguyễn Công Lý**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Email: nguyencongly54@yahoo.com.vn